

CÔNG TY CỔ PHẦN
BCG ENERGY
BCG ENERGY JSC



Số/No.: 23/2024/CBTT-BGE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024
Ho Chi Minh City, August 29, 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN DISCLOSURE OF INFORMATION

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội/*Hanoi stock Exchange*

Tên tổ chức/ *Organization name*: Công ty Cổ phần BCG Energy/ *BCG Energy JSC*

Mã chứng khoán/ *Securities Symbol*: BGE

Địa chỉ trụ sở chính/*Address*: 27C Quốc Hương, P.Thảo Điền, TP.Thủ Đức, TP.HCM /27C
Quoc Huong, Thao Dien Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ *Tel*: (84 28) 62 680 680 Fax: (84 28) 62 9911 88

Người thực hiện công bố thông tin/ *Submitted by*: Ông (Mr.) Nguyễn Giang Nam

Chức vụ/ *Position*: Phó Tổng Giám đốc/ *Deputy General Director*

Loại thông tin công bố: định kỳ 24h bất thường theo yêu cầu

Information disclosure type: Periodic 24 hours Irregular On demand

Nội dung thông tin công bố/ *Content of Information disclosure*:

Công ty Cổ phần BCG Energy (BGE) công bố thông tin Báo cáo tài chính Hợp nhất bán niên 2024 đã được soát xét.

BCG Energy Joint Stock Company announces the reviewed semi-annual Consolidated Financial Statements of 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại website/ *This information published on the Company website at <https://bcgenenergy.com.vn/>.*

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.*



Nơi nhận/ Recipients:

- Như trên/ As above;
- Lưu: P. HTKD/P.

QHNDT

Archive BSD, IRD.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/
INFORMATION DISCLOSURE**

REPRESENTATIVE

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC/

DEPUTY GENERAL DIRECTOR



NGUYỄN GIANG NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**



CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B 01a – DN/HN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B 02a – DN/HN)	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B 03a – DN/HN)	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B 09a – DN/HN)	11

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp Số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 17 ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Hội đồng Quản trị

Ông Ng Wee Siong Leonard	Chủ tịch (từ ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Trung Thành	Phó Chủ tịch (từ ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Nguyễn Trung Trực	Thành viên (từ ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Lê Thanh Tùng	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đồng Hải Hà	Trưởng ban
Ông Nguyễn Viết Cường	Phó ban
Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền	Thành viên (từ ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Tan Bo Quan Andy	Thành viên (đến ngày 29 tháng 3 năm 2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Vũ Văn Ngọc Nicki	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Giang Nam	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 29 tháng 3 năm 2024)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Ng Wee Siong Leonard	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 29 tháng 3 năm 2024)
Ông Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần BCG Energy ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc của Công ty để phê chuẩn và ký báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 theo Thư Ủy quyền ngày 1 tháng 11 năm 2023.

Phê chuẩn Báo cáo Tài chính hợp nhất giữa niên độ

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm từ trang 5 đến trang 76. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 30 tháng 6 năm 2024, và được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê chuẩn ngày 29 tháng 8 năm 2024. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 76.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Lương Thị Ánh Tuyết
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3048-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo soát xét: HCM15852
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.039.738.682.236	7.578.000.812.167
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	328.432.729.324	324.257.433.673
111	Tiền		216.811.138.575	74.531.880.865
112	Các khoản tương đương tiền		111.621.590.749	249.725.552.808
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		33.480.002.315	39.180.002.315
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7	33.480.002.315	39.180.002.315
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		7.615.799.200.177	7.159.041.969.387
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	558.358.591.505	317.900.737.762
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	1.035.859.488.679	1.108.502.551.579
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	6(a)	204.555.202.332	109.645.483.975
136	Phải thu ngắn hạn khác	9(a)	5.817.025.917.661	5.622.993.196.071
140	Hàng tồn kho		1.222.480.913	813.889.293
141	Hàng tồn kho		1.222.480.913	813.889.293
150	Tài sản ngắn hạn khác		60.804.269.507	54.707.517.499
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	8(a)	16.174.587.575	8.452.493.099
152	Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	15(b)	44.622.681.932	46.255.024.400
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15(c)	7.000.000	-

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 76 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		11.925.096.839.473	11.458.553.390.625
210	Các khoản phải thu dài hạn		618.241.646.561	510.948.971.289
215	Phải thu về cho vay dài hạn	6(b)	91.416.022.927	10.698.022.927
216	Phải thu dài hạn khác	9(b)	526.825.623.634	500.250.948.362
220	Tài sản cố định		9.104.626.596.889	9.399.728.038.087
221	Tài sản cố định hữu hình	10(a)	8.705.056.190.142	8.994.944.695.897
222	Nguyên giá		10.374.369.896.072	10.403.015.587.959
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.669.313.705.930)	(1.408.070.892.062)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	10(b)	841.211.550	958.589.904
225	Nguyên giá		1.232.472.730	1.232.472.730
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(391.261.180)	(273.882.826)
227	Tài sản cố định vô hình	10(c)	398.729.195.197	403.824.752.286
228	Nguyên giá		420.826.943.652	420.826.943.652
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(22.097.748.455)	(17.002.191.366)
240	Tài sản dở dang dài hạn		1.139.867.838.173	1.073.431.031.494
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.139.867.838.173	1.073.431.031.494
250	Đầu tư tài chính dài hạn	7	936.240.739.670	339.092.799.513
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		872.109.709.055	258.092.799.513
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		81.000.000.000	81.000.000.000
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(16.868.969.385)	-
260	Tài sản dài hạn khác		126.120.018.180	135.352.550.242
261	Chi phí trả trước dài hạn	8(b)	55.634.162.420	61.131.031.953
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19	8.999.215.773	8.558.450.265
269	Lợi thế thương mại	12	61.486.639.987	65.663.068.024
270	TỔNG TÀI SẢN		19.964.835.521.709	19.036.554.202.792

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 76 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		9.944.088.418.569	9.300.452.205.369
310	Nợ ngắn hạn		3.872.842.630.512	3.079.292.264.807
311	Phải trả người bán ngắn hạn	13(a)	1.750.963.674.771	1.223.109.690.620
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	98.277.040.000	-
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15(a)	68.935.293.006	35.567.587.582
314	Phải trả người lao động		2.675.889.674	2.756.170.500
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	291.078.711.198	265.181.718.883
319	Phải trả ngắn hạn khác	17(a)	140.371.710.599	189.309.039.132
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18(a)	1.520.540.311.264	1.363.368.058.090
330	Nợ dài hạn		6.071.245.788.057	6.221.159.940.562
331	Phải trả người bán dài hạn	13(b)	224.864.145.998	250.864.145.998
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		11.233.466	13.640.642
337	Phải trả dài hạn khác	17(b)	856.000.000.000	856.000.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18(b)	4.911.329.191.778	5.034.922.124.978
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	19	79.041.216.815	79.360.028.944
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.020.747.103.140	9.736.101.997.423
410	Vốn chủ sở hữu		10.020.747.103.140	9.736.101.997.423
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20, 21	7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.300.000.000.000	7.300.000.000.000
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối	21	442.333.317.749	186.649.401.164
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của năm trước		186.671.462.899	247.103.099.050
421b	- LNST chưa phân phối/Lũ lũy kế của kỳ này/năm nay		255.661.854.850	(60.453.697.886)
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	2.278.413.785.391	2.249.452.596.259
440	TỔNG NGUỒN VỐN		19.964.835.521.709	19.036.554.202.792


Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lập

Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởngPhạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 76 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày		
		30.6.2024 VND	30.6.2023 VND	
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	689.797.668.729	567.018.508.457
11	Giá vốn bán hàng và dịch vụ cung cấp	25	(323.497.797.436)	(269.953.729.486)
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		366.299.871.293	297.064.778.971
21	Doanh thu hoạt động tài chính	26	433.351.794.300	477.459.089.189
22	Chi phí tài chính	27	(492.496.040.571)	(736.400.209.556)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(291.013.850.405)	(523.202.809.945)
24	Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	7(b)	(16.483.090.458)	(22.826.836.229)
25	Chi phí bán hàng		(6.552.336)	(10.400.105)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(31.984.757.313)	(30.833.190.905)
30	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		258.681.224.915	(15.546.768.635)
31	Thu nhập khác		87.453.907.227	32.105.206.114
32	Chi phí khác		(6.821.810.945)	(2.657.702.554)
40	Lợi nhuận khác	29	80.632.096.282	29.447.503.560
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		339.313.321.197	13.900.734.925
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	30	(49.403.622.698)	(6.032.305.457)
52	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30	759.577.638	620.406.594
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		290.669.276.137	8.488.836.062
	Phân bổ cho:			
61	Cổ đông của Công ty mẹ		255.661.854.850	57.737.550.232
62	Cổ đông không kiểm soát		35.007.421.287	(49.248.714.170)
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22(a)	350	128
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22(b)	350	128

Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lập

Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng

Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 29 tháng 8 năm 2024



Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 76 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
		30.6.2024	30.6.2023
		VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế	339.313.321.197	13.900.734.925
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), phân bổ lợi thế thương mại	271.181.839.817	227.777.974.947
03	Các khoản dự phòng	16.868.969.385	590.000.000
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	115.614.873.159	23.684.644.767
05	Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	11.059.414.723	(31.179.228.431)
06	Chi phí lãi vay và chi phí trái phiếu	292.076.245.925	526.898.684.776
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.046.114.664.206	761.672.810.984
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(447.796.396.037)	2.146.513.263.668
10	Tăng hàng tồn kho	(408.591.620)	(134.643.516)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả	143.032.482.234	(1.855.376.927.374)
12	Tăng chi phí trả trước	(2.225.224.943)	(32.813.987.667)
14	Tiền lãi vay đã trả	(284.758.632.391)	(538.592.171.642)
15	Thuế TNDN đã nộp	(20.019.215.316)	(5.195.152.429)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	433.939.086.133	476.073.192.024
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(74.591.879.008)	(98.410.019.870)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	20.795.490.060	17.748.194.897
23	Tiền chi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	(193.595.128.000)	(239.190.236.580)
24	Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	23.667.409.643	327.984.159.868
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết	(135.600.000.000)	(38.000.000.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	4.888.699.610
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.611.187.175	75.084.984.024
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(353.712.920.130)	50.105.781.949
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	756.000.000	-
33	Tiền thu từ đi vay	288.695.805.479	1.847.383.347.604
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(365.382.506.675)	(2.244.346.327.353)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	(135.572.000)	(135.572.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(76.066.273.196)	(397.098.551.749)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	4.159.892.807	129.080.422.224
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	324.257.433.673	334.627.824.244
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	15.402.844	3.801
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	328.432.729.324	463.708.250.269

Các thuyết minh liên quan tới báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được trình bày tại thuyết minh 33.

Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lập

Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng

Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 76 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần BCG Energy (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 8 tháng 6 năm 2017 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 17 ngày 10 tháng 4 năm 2024.

Chi tiết cổ đông của Công ty và tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 20.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn là 12 tháng.

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn không có tính thời vụ hoặc tính chu kỳ ảnh hưởng tới báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các số liệu tương ứng của kỳ kế toán trước so sánh được với số liệu của kỳ kế toán này.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn có 12 công ty con trực tiếp, 7 công ty con gián tiếp, 3 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên doanh ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 10 công ty con trực tiếp, 8 công ty con gián tiếp, 2 công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp và 1 công ty liên doanh ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con). Chi tiết được trình bày như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	30.6.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
Công ty con trực tiếp							
1	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thanh Hóa	Sản xuất đồ điện dân dụng	Bến Lức, Long An	91,84	91,84	91,84	91,84
2	Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch (i)	Sản xuất điện	Phù Mỹ, Bình Định	51,00	41,28	51,00	41,28
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Thành Nguyên	Sản xuất điện	Krông Pa, Gia Lai	51,00	51,00	51,00	51,00
4	Công ty Cổ phần BCG Vinh Long	Sản xuất điện	Vũng Liêm, Vĩnh Long	50,50	50,50	50,50	50,50
5	Công ty Cổ phần Skylar	Sản xuất điện & Tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00
6	Công ty Cổ phần BCG GAIA	Tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	50,97	50,23	50,97	50,23
7	Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Sản xuất điện	Mỹ Huyền, Sóc Trăng	90,00	90,00	90,00	90,00
8	Công ty TNHH Điện gió Đồng Thành 1	Sản xuất điện	Trà Vinh	100,00	99,90	100,00	99,90

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

STT	Tên	Hoạt động chính	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	30.6.2024		31.12.2023	
				Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp %	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp %
Công ty con trực tiếp							
9	Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Sản xuất điện	Trà Vinh	100,00	99,93	100,00	99,93
10	Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,00	99,00	99,00	99,00
11	Công ty Cổ phần BCG Điện gió Điện Biên Đông (ii)	Sản xuất điện	TP Điện Biên Phủ, Điện Biên	99,98	99,98	-	-
12	Công ty Cổ phần Aton (iii)	Truyền tải và phân phối điện	TP. Hồ Chí Minh	85,00	85,00	-	-
Công ty con gián tiếp							
1	Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Lắp đặt hệ thống xây dựng điện	TP. Hồ Chí Minh	99,80	98,80	99,80	98,80
2	Công ty Cổ phần Herb Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
3	Công ty Cổ phần Orchid Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
4	Công ty Cổ phần Violet Solar	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	69,00	68,31	69,00	68,31
5	Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Sản xuất điện	Thạnh Hóa, Long An	99,90	50,23	99,90	50,23
6	Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương	Sản xuất điện	Thạnh Hóa, Long An	99,90	50,23	99,90	50,23
7	Công ty Cổ phần Phát triển Điện Gia Huy	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	99,80	98,80	99,80	98,80
8	Công ty Cổ phần Cosmos Solar (iv)	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	-	-	99,00	98,01
Công ty liên kết ảnh hưởng trực tiếp							
1	Công ty TNHH Skylight Power	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	50,00	50,00	50,00	50,00
2	Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Sản xuất điện	TP. Hồ Chí Minh	49,00	49,00	49,00	49,00
3	Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa (v)	Xử lý chất thải rắn	TP. Hồ Chí Minh	45,00	45,00	-	-
Công ty liên doanh ảnh hưởng gián tiếp thông qua công ty con							
1	Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Tư vấn quản lý	TP. Hồ Chí Minh	50,00	49,50	50,00	49,50

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN (tiếp theo)

- (i) Theo các Ủy quyền biểu quyết vô điều kiện và không hủy ngang ngày 27 tháng 12 năm 2021, 2 cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch đã ủy quyền toàn bộ 9,72% quyền biểu quyết cho Công ty. Theo đó, Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết trong công ty này.
- (ii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 18 tháng 4 năm 2024 về việc thông qua góp vốn thành lập Công ty Cổ phần BCG Điện gió Điện Biên Đông với tỷ lệ góp vốn 99,98%, tương đương 29,994 tỷ Đồng.
- (iii) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 23 tháng 5 năm 2024 về việc thông qua góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Aton với tỷ lệ góp vốn 85,00%, tương đương 4,25 tỷ Đồng.
- (iv) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ-COSMOS ngày 6 tháng 12 năm 2023 về việc phê duyệt giải thể Công ty Cổ phần Cosmos Solar. Tại ngày 20 tháng 2 năm 2024, Tập đoàn đã hoàn tất các thủ tục liên quan để giải thể công ty con này.
- (v) Theo tờ trình 16/2024 ngày 7 tháng 3 năm 2024 được thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 29 tháng 3 năm 2024 liên quan tới việc mua bán cổ phần, Tập đoàn đã thực hiện mua 45% cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa, tương đương với 612,5 tỷ Đồng (Thuyết minh 7(b)).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn có 103 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 128 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm/kỳ tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Tập đoàn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là Đồng Việt Nam (“VND” hoặc “Đồng”).

2.4 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****Công ty con (tiếp theo)**

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tập đoàn. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các kỳ kế toán.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết và công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty liên kết và công ty liên doanh (tiếp theo)

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên doanh, liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong liên doanh và các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên doanh, liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên doanh, liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế, và được đánh giá tổn thất lợi thế thương mại định kỳ hàng năm. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ kế toán phát sinh.

2.7 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.8 Cho vay**

Cho vay là các khoản cho vay với mục đích thu lãi hàng kỳ theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản còn chưa thu để ghi nhận dự phòng các khoản cho vay khó đòi vào cuối kỳ kế toán. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Cho vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản cho vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ đến ngày tới hạn thu hồi.

2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thu hồi.

2.10 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kế toán kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Thuyết minh 2.5).

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

(d) Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được lập vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên giá trị thị trường nếu giá trị thị trường được xác định một cách tin cậy. Nếu giá trị thị trường không thể được xác định một cách tin cậy, dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được tính dựa trên khoản lỗ của bên được đầu tư.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận giữa Tập đoàn và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi một trong số các bên theo thỏa thuận của BCC. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức chia lợi nhuận trước thuế. Các bên tham gia trong BCC thỏa thuận chia lợi nhuận trước thuế.

BCC chia lợi nhuận trước thuế là BCC dưới hình thức hoạt động do một bên kiểm soát, trong đó:

- (i) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, thì bản chất của hợp đồng là thuê tài sản.
- (ii) Nếu BCC quy định các bên tham gia BCC được phân chia lợi nhuận nếu kết quả hoạt động của BCC có lãi, và phải gánh chịu lỗ, thì bản chất của BCC là chia doanh thu, chi phí, các bên phải có quyền, điều kiện, khả năng để đồng kiểm soát hoạt động cũng như dòng tiền của BCC.
- (iii) Nếu Tập đoàn là bên kế toán và quyết toán thuế, Tập đoàn sẽ ghi nhận toàn bộ doanh thu và chi phí liên quan đến BCC, sau đó phân bổ doanh thu và chi phí theo tỷ lệ tham gia cho các bên tham gia BCC trong kỳ.
- (iv) Nếu Tập đoàn không phải là bên kế toán và quyết toán thuế, Tập đoàn sẽ ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phần doanh thu và chi phí tương ứng với phần được chia từ BCC.

2.13 Tài sản cố định (“TSCĐ”)*TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình*

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20 năm
Giấy phép đầu tư dự án	47 - 48 năm
Khác	2 - 10 năm

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.13 Tài sản cố định (“TSCĐ”) (tiếp theo)

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác; được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.14 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là loại hình thuê TSCĐ mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Chi phí trả trước dài hạn phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực sau ngày hiệu lực của luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) hoặc không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được ghi nhận là chi phí trả trước và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa và cung cấp dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

2.17 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm các khoản tiền vay và nợ thuê tài chính từ các ngân hàng, công ty tài chính và các đối tượng khác.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay và nợ thuê tài chính tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tới ngày đến hạn thanh toán.

Chi phí đi vay khi phát sinh được ghi giảm phần nợ gốc, định kỳ phân bổ vào chi phí tài chính theo phương pháp đường thẳng. Trong đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tập đoàn xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ kế toán trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

2.18 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán.

2.19 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.19 Các khoản dự phòng (tiếp theo)**

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

2.20 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lãi sau thuế TNDN của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo.

2.21 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa vào ngày Biên bản họp của Hội đồng Quản trị sau khi có phương án chia cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

LNST TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.22 Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa, hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.22 Ghi nhận doanh thu****(a) Doanh thu bán hàng (tiếp theo)**

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng sản phẩm hoặc hàng hóa. Trường hợp Tập đoàn dùng sản phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Tập đoàn thì Tập đoàn phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Thu nhập lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

(d) Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tập đoàn xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

2.23 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ kế toán, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.24 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ kế toán chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, chi phí đi vay và phát hành trái phiếu, chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư, dự phòng đầu tư tài chính và chi phí tài chính khác.

2.25 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

2.26 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình quản lý chung của Tập đoàn.

2.27 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của kỳ kế toán hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ kế toán phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ kế toán hay một kỳ kế toán khác.

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.28 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên doanh, liên kết các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn, và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh hoặc theo khu vực địa lý.

2.30 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Tiền mặt	63.509.696	63.509.696
Tiền gửi ngân hàng	216.747.628.879	74.468.371.169
Các khoản tương đương tiền (*)	111.621.590.749	249.725.552.808
	<u>328.432.729.324</u>	<u>324.257.433.673</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, số dư thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn ban đầu không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 2,7%/năm đến 4%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1,5%/năm đến 3,6%/năm).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty Mua bán Điện	529.093.641.921	295.338.153.305
Khác	10.047.030.584	9.459.736.977
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	19.217.919.000	13.102.847.480
	<u>558.358.591.505</u>	<u>317.900.737.762</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn đã thế chấp quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Tập đoàn và Công ty Mua bán Điện cho các khoản vay từ ngân hàng (Thuyết minh 18).

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Bao gồm trong số dư khoản phải thu ngắn hạn khách hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Tập đoàn, có khoản phải thu ngắn hạn Công ty Mua bán Điện liên quan đến dự án điện mặt trời Phù Mỹ 1 giai đoạn 2 và Phù Mỹ 3 giai đoạn 2 của Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng sạch số tiền là 109.207.075.724 Đồng và dự án điện mặt trời GAIA của Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương số tiền là 185.915.071.858 Đồng, chi tiết như sau:

- (i) Ngày 16 tháng 5 năm 2023, được sự chấp thuận của Bộ Công thương, Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch (công ty con của Tập đoàn) và Công ty Mua bán Điện đã ký Hợp đồng sửa đổi, bổ sung phụ lục số 03 của Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 1 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 03 Hợp đồng mua bán điện nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 3 với giá tạm tính là 50% giá trần được quy định tại Quyết định số 21/QĐ-BTC ngày 7 tháng 1 năm 2023. Tiếp theo đó, Tập đoàn và Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch đã chủ động tính toán, đề xuất giá điện đàm phán với Công ty Mua bán Điện dựa theo nguyên tắc của Thông tư số 15/2022/TT-BCT ngày 22 tháng 10 năm 2022 quy định phương pháp xây dựng khung giá phát điện nhà máy điện mặt trời, điện gió chuyển tiếp và Thông tư số 57/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện. Tại ngày 8 tháng 12 năm 2023, Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch đã gửi công văn cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN") về việc đàm phán giá điện chính thức theo đơn giá ước tính này. Đến ngày 27 tháng 8 năm 2024, Công ty Mua bán Điện trực thuộc EVN và Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch đã thống nhất giá bán điện chính thức đối với phần công suất 83,10 MWp của dự án Điện mặt trời Phù Mỹ 1 giai đoạn 2. Hiện đơn giá này đang chờ được EVN phê duyệt. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng Nhà máy điện Phù Mỹ 3 giai đoạn 2 có thể đàm phán thành công tại mức giá bán điện bằng với mức giá Nhà máy Điện Phù Mỹ 1 giai đoạn 2. Do đó, Tập đoàn cho rằng việc trích trước doanh thu như trên là ước tính hợp lý nhất dựa vào các thông tin hiện có tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá bán điện chính thức sẽ được ký kết cuối năm 2024.
- (ii) Theo Thông báo của Thanh tra Chính phủ số 3116/TB - TTCP ngày 25 tháng 12 năm 2023, Dự án Nhà máy Điện mặt trời GAIA do Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương (công ty con gián tiếp của Tập đoàn) là chủ đầu tư đã được vận hành thương mại khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo hoặc Sở Công Thương) kiểm tra công tác nghiệm thu và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn có các đánh giá chi tiết như sau:

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, chủ đầu tư có văn bản số 45/2021/CV-HANWHA.BCG kèm hồ sơ dự án gửi Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo mời kiểm tra công tác nghiệm thu công trình Nhà máy Điện mặt trời GAIA. Trên cơ sở Biên bản làm việc, Biên bản vi phạm hành chính liên quan đến dự án của đoàn kiểm tra ngày 05/4/2022 và Quyết định xử lý vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Thanh tra Sở Xây dựng Tỉnh Long An, chủ đầu tư đã hoàn tất các nghĩa vụ nộp phạt hành chính trong năm 2022 và tiến hành bổ sung các hồ sơ theo quy định. Đồng thời chủ đầu tư đã gửi báo cáo cho Cục Điện lực và Năng lượng về kết quả thực hiện tại Văn bản số 19/2022/CV-HWBCG ngày 18 tháng 7 năm 2022.

Mặc dù việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Nhà máy điện mặt trời GAIA chưa được phê duyệt (Thuyết minh 10) và Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo chưa chấp thuận công tác nghiệm thu, tuy nhiên về khía cạnh chủ đầu tư, Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý theo quy định, bao gồm việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã được phê duyệt bởi UBND Tỉnh Long An. Công ty Mua bán Điện vẫn xác nhận sản lượng điện huy động của Tập đoàn. Ngoài ra, ngày 27 tháng 6 năm 2024, Tập đoàn đã có công văn kiến nghị đến Bộ Công Thương về việc tháo gỡ khó khăn của doanh nghiệp Điện mặt trời bị dừng thanh toán. Hiện tại, các cơ quan ban ngành có liên quan đang xem xét và giải quyết vấn đề nêu trên. Dựa trên các thông tin hiện có, Ban Tổng Giám đốc đánh giá vấn đề được nêu bởi Thanh tra Chính phủ không ảnh hưởng đến hợp đồng mua bán điện Tập đoàn đã ký kết với Công ty Mua bán Điện.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán, nhưng không trích lập dự phòng là 56.707.324.884 Đồng.

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30.6.2024	31.12.2023
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH TMDV MTV Huỳnh Phát Huy	670.937.900.000	670.937.900.000
Powerchina International Group Limited	142.937.642.745	142.937.642.745
Công ty TNHH Tổng hợp Hưng Lộc	74.233.064.600	74.233.064.600
Công ty Cổ phần Tập đoàn PC1	31.515.453.438	31.515.453.438
Các đối tượng khác	97.188.158.641	135.144.166.475
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	19.047.269.255	53.734.324.321
	<u>1.035.859.488.679</u>	<u>1.108.502.551.579</u>

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY**(a) Ngắn hạn**

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần E Power 1 (*)	108.687.483.975	-
Bà Nguyễn Thị Minh Thương	47.719.718.357	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond	46.000.000.000	-
Khác	35.000.000	-
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	2.113.000.000	109.645.483.975
	<u>204.555.202.332</u>	<u>109.645.483.975</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, số dư thể hiện khoản phải thu về cho vay ngắn hạn không có tài sản đảm bảo với lãi suất từ 0%/năm đến 12.37%/năm và kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 31 tháng, thời hạn còn lại dưới 12 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lãi suất từ 0%/năm đến 9%/năm và kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 31 tháng).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư phải thu về cho vay bao gồm khoản Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương cho Công ty Cổ phần E Power 1, trị giá là 108.687.483.975 Đồng. Mục đích của khoản cho vay này là để Công ty Cổ phần E Power 1 phục vụ hoạt động kinh doanh của chính Công ty và cho các Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond, Công ty Cổ phần Green Solution, Công ty Cổ phần Mega Solar vay lại để đầu tư vào các dự án điện gió, điện mặt trời.

(*) Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty Cổ phần E Power 1 không còn là bên liên quan của Công ty.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	91.416.022.927	10.698.022.927
	<u>91.416.022.927</u>	<u>10.698.022.927</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, số dư thể hiện khoản phải thu về cho vay dài hạn của Tập đoàn với các bên liên quan (Thuyết minh 34(b)) để thực hiện các dự án điện gió Khai Long 1,2,3 và không có tài sản đảm bảo với lãi suất từ 0%/năm đến 9%/năm với kỳ hạn gốc từ 36 tháng đến 75 tháng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 lãi suất từ 0%/năm đến 9%/năm và kỳ hạn gốc từ 36 tháng đến 75 tháng).

7 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30.6.2024		31.12.2023	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	33.480.002.315	33.480.002.315	39.180.002.315	39.180.002.315

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, số dư thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn ban đầu trên 3 tháng với kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 2,5%/năm đến 5,8%/năm (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, lãi suất từ 3,7%/năm đến 10,7%/năm).

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

7 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30.6.2024		31.12.2023	
	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND
Công ty TNHH Skylight Power	16.255.692.780	24.952.712.350	15.011.310.830	24.952.712.350
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	13.733.118.085	2.205.000.000	10.974.228.607	2.205.000.000
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	229.620.898.190	274.012.000.000	232.107.260.076	256.012.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	612.500.000.000	612.500.000.000	-	-
	<u>872.109.709.055</u>	<u>913.669.712.350</u>	<u>258.092.799.513</u>	<u>283.169.712.350</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động về giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong kỳ kế toán như sau:

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Tăng giá gốc khoản đầu tư VND	Lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết VND	Tại ngày 30.6.2024 VND
Công ty TNHH Skylight Power	15.011.310.830	-	1.244.381.950	16.255.692.780
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	10.974.228.607	-	2.758.889.478	13.733.118.085
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky (i)	232.107.260.076	18.000.000.000	(20.486.361.886)	229.620.898.190
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	-	612.500.000.000	-	612.500.000.000
	<u>258.092.799.513</u>	<u>630.500.000.000</u>	<u>(16.483.090.458)</u>	<u>872.109.709.055</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

7 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

(i) Theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT-SKYLAR ngày 30 tháng 1 năm 2024, số 03/2024/NQ-HĐQT-SKYLAR ngày 23 tháng 4 năm 2024 và số 06/2024/NQ-HĐQT-SKYLAR ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc tăng vốn điều lệ Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky, Công ty Cổ phần Skylar đã đăng ký mua thêm 1.800.000 cổ phần, tương đương 18.000.000.000 Đồng và không thay đổi tỷ lệ sở hữu trong Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky.

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30.6.2024		31.12.2023	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	59.400.000.000	(*)	-	(*)
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	21.600.000.000	(*)	(16.868.969.385)	(*)
	<u>81.000.000.000</u>		<u>(16.868.969.385)</u>	
			<u>81.000.000.000</u>	
				<u>-</u>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

7 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Tình hình hoạt động kinh doanh của các công ty này như sau:

Công ty	Nơi thành lập, đăng ký hoạt động	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Tỉnh Cà Mau	Sản xuất điện	18,00
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	18,00

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Công cụ, dụng cụ	6.616.352.663	2.897.350.657
Chi phí quản lý tài sản đảm bảo	-	2.737.603.307
Chi phí dịch vụ thu xếp vốn	6.616.438.356	-
Khác	2.941.796.556	2.817.539.135
	<u>16.174.587.575</u>	<u>8.452.493.099</u>

(b) Dài hạn

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí bảo hiểm	23.087.061.434	24.437.955.782
Tiền thuê đất trả trước	16.488.443.711	16.571.227.515
Chi phí phát hành trái phiếu	8.400.000.000	9.600.000.000
Chi phí giải phóng mặt bằng	2.483.311.062	1.987.337.285
Công cụ dụng cụ, thiết bị	419.359.411	246.079.025
Khác	4.755.986.802	8.288.432.346
	<u>55.634.162.420</u>	<u>61.131.031.953</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

9 PHẢI THU KHÁC

(a) Ngắn hạn

	30.6.2024		31.12.2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Vốn góp BCC (*)	5.253.167.455.067	-	5.318.529.455.067	-
Lãi từ BCC	437.747.758.950	-	258.600.933.085	-
Tạm ứng cho nhân viên	60.591.387.843	-	29.633.722.260	-
Lãi phải thu từ cho vay	10.459.714.913	-	10.474.663.149	-
Khác	55.059.600.888	-	5.754.422.510	-
	<u>5.817.025.917.661</u>	<u>-</u>	<u>5.622.993.196.071</u>	<u>-</u>
Trong đó				
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Mega Solar (**)	802.119.084.776	-	-	-
Công ty Cổ phần Artemis Investment	397.709.479.451	-	373.526.684.931	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond	336.014.206.308	-	377.338.998.636	-
Khác	577.245.060.843	-	449.509.271.739	-
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))(*)	<u>3.703.938.086.283</u>	<u>-</u>	<u>4.422.618.240.765</u>	<u>-</u>
	<u>5.817.025.917.661</u>	<u>-</u>	<u>5.622.993.196.071</u>	<u>-</u>

(**) Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty Cổ phần Mega Solar không còn là bên liên quan của Tập đoàn (Thuyết minh 34).

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**Mẫu số B 09a – DN/HN****9 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(*) Chi tiết vốn góp BCC như sau:

Bên góp BCC	Số tiền VND	Thời hạn BCC	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	2.380.135.455.067	Đến 20/4/2025	Dự án Nhà máy Điện gió Khu du lịch Khai Long - Cà Mau giai đoạn 1 do công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 làm chủ đầu tư.	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 14%/năm trên số vốn góp BCC. - Sau khi dự án đi vào vận hành: phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp. - Dự án đang trong giai đoạn xây dựng
Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond (i)	290.600.000.000	Đến 27/12/2024	Dự án Nhà máy Điện Năng lượng Mặt trời Hoa Hướng Dương ("Dự án Sunflower") do Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond chịu trách nhiệm triển khai các thủ tục pháp lý ban đầu và đền bù giải phóng mặt bằng; tự vận đầu tư; thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị cho Dự án Sunflower.	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian xây dựng dự án: Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 18,65%/năm trên số vốn góp BCC. - Sau khi dự án đi vào vận hành: phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**Mẫu số B 09a – DN/HN****9 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)****(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(*) Chi tiết vốn góp BCC như sau (tiếp theo):

Bên góp BCC	Số tiền VND	Thời hạn BCC	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Mega Solar(ii)	300.000.000.000	Đến 15/8/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 16% trên số vốn góp BCC. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
	156.000.000.000	Đến 15/8/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 16% trên số vốn góp BCC. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
	300.000.000.000	Đến 22/9/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 1	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 16% trên số vốn góp BCC. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong (i)	411.784.000.000	Đến 22/4/2025	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 16% trên số vốn góp BCC. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
	496.949.000.000	Đến 22/4/2025	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 16% trên số vốn góp BCC. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
	94.967.000.000	Đến 31/10/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện gió BCG Điện Biên 2	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 16% trên số vốn góp BCC. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng

Trong thời gian xây dựng: Không thực hiện phân chia lợi nhuận
Sau khi dự án đi vào hoạt động:
- Phân chia lợi nhuận dựa trên kết quả kinh doanh thực tế theo tỷ
lệ góp vốn.
- Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc
hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

9 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(a) Ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Chi tiết vốn góp BCC như sau (tiếp theo):

Bên góp BCC	Số tiền VND	Thời hạn BCC	Mục đích	Hình thức phân chia lợi nhuận
Công ty Cổ phần Artemis Investment (i)	296.000.000.000	Đến 12/12/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT1	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 16% trên số vốn góp BCC. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
Công ty Cổ phần Hibiscus (i)	62.500.000.000	Đến 14/2/2025	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT1	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 16% trên số vốn góp BCC. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
Công ty Cổ phần Plus Investment (i)	65.556.000.000	Đến 29/11/2024	Hợp tác đầu tư vào Dự án nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT4	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 16% trên số vốn góp BCC. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid (i)	90.000.000.000	Đến 29/11/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT2	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 16% trên số vốn góp BCC. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 (ii)	180.000.000.000	Đến 29/11/2024	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy điện mặt trời Đức Huệ VNT3	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 16% trên số vốn góp BCC. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng
Công ty Cổ phần Điện gió Nhà máy điện gió Khai Long 2	128.676.000.000	Đến 26/12/2024	Hợp tác Nhà máy điện gió Khai Long 2	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 14% trên số vốn góp BCC.

5.253.167.455.067

9 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**(a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

(*) Chi tiết vốn góp BCC như sau (tiếp theo):

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các dự án điện gió, điện mặt trời này ("Dự án") có tổng giá trị BCC là 2.467.456.000.000 Đồng trong đó 1.988.356.000.000 Đồng là BCC ngắn hạn và 479.100.000.000 Đồng là BCC dài hạn (Thuyết minh 9(b)(i)) chưa được Bộ Công Thương đề xuất vào Kế hoạch triển khai Quy hoạch điện VIII giai đoạn 1 (2025-2030). Tại ngày 1 tháng 8 năm 2024, Tập đoàn đã tiến hành thanh lý các hợp đồng BCC nói trên với các chủ đầu tư dự án và trong tháng 8 năm 2024, Tập đoàn đã thu hồi toàn bộ các khoản BCC này.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các dự án điện gió, điện mặt trời này ("Dự án") có tổng giá trị BCC là 921.263.000.000 Đồng trong đó 884.676.000.000 Đồng là BCC ngắn hạn và 36.587.000.000 Đồng là BCC dài hạn (Thuyết minh 9(b)(ii)) đã được Bộ Công Thương đề xuất vào Quy hoạch điện VIII giai đoạn 1 (2025-2030). Hiện tại, Tập đoàn đã làm việc với các cơ quan ban ngành có liên quan để chủ trương đầu tư của các dự án điện gió được phê duyệt cũng như hoàn tất các thủ tục pháp lý khác để có thể tiếp tục phát triển các dự án này.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám Đốc đánh giá tính khả thi và khả năng phát triển của các dự án điện gió, điện mặt trời trong tương lai là cao. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin rằng có thể thu hồi được toàn bộ các khoản BCC này và Ban Tổng Giám đốc đánh giá là không có khoản dự phòng nào cần phải lập cho việc khó thu hồi các khoản BCC nói trên.

(b) Dài hạn

	30.6.2024		31.12.2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Vốn góp BCC (*)	515.687.000.000	-	489.100.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	11.077.000.000	-	11.077.000.000	-
Các khoản khác	61.623.634	-	73.948.362	-
	<u>526.825.623.634</u>	<u>-</u>	<u>500.250.948.362</u>	<u>-</u>
Trong đó:				
Bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát (i)	479.100.000.000	-	479.100.000.000	-
Khác	11.138.623.634	-	11.150.948.362	-
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b)) (ii)	36.587.000.000	-	10.000.000.000	-
	<u>526.825.623.634</u>	<u>-</u>	<u>500.250.948.362</u>	<u>-</u>

9 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(b) Dài hạn (tiếp theo)

(*) Số dư thể hiện vốn góp BCC như sau:

- BCC cùng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát số tiền 479.100.000.000 Đồng liên quan đến việc thực hiện phát triển dự án Nhà máy Điện gió Bình Châu (“Dự án”) (Thuyết minh 9(a)(i)).
- BCC cùng Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 liên quan đến dự án Nhà máy điện gió Khai Long giai đoạn 2 với công suất 100 MWp tại ấp Khai Long, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau với số tiền là 36.587.000.000 Đồng (Thuyết minh 9(a)(ii)). Hai bên cùng nhau hợp tác đầu tư với thời gian là 3 năm kể từ ngày 23 tháng 2 năm 2024 và Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2 là chủ đầu tư. Theo đó, Tập đoàn sẽ được phân chia lợi nhuận theo kết quả kinh doanh thực tế của dự án theo tỷ lệ góp vốn và việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

10	TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
(a)	TSCĐ hữu hình						
	Nguyên giá						
	Tại ngày 1.1.2024	2.015.029.487.841	7.534.699.514.764	850.803.649.063	2.369.099.091	113.837.200	10.403.015.587.959
	Mua trong kỳ	1.433.832.132	175.000.000	-	-	-	1.608.832.132
	Thanh lý, nhượng bán	-	(30.254.524.019)	-	-	-	(30.254.524.019)
	Tại ngày 30.6.2024	2.016.463.319.973	7.504.619.990.745	850.803.649.063	2.369.099.091	113.837.200	10.374.369.896.072
	Giá trị khấu hao lũy kế						
	Tại ngày 1.1.2024	323.793.019.804	955.195.061.444	128.168.345.382	906.560.072	7.905.360	1.408.070.892.062
	Khấu hao trong kỳ	52.566.351.045	187.406.331.813	21.682.676.292	180.749.283	18.440.826	261.854.549.259
	Thanh lý, nhượng bán	-	(611.735.391)	-	-	-	(611.735.391)
	Tại ngày 30.6.2024	376.359.370.849	1.141.989.657.866	149.851.021.674	1.087.309.355	26.346.186	1.669.313.705.930
	Giá trị còn lại						
	Tại ngày 1.1.2024	1.691.236.468.037	6.579.504.453.320	722.635.303.681	1.462.539.019	105.931.840	8.994.944.695.897
	Tại ngày 30.6.2024	1.640.103.949.124	6.362.630.332.879	700.952.627.389	1.281.789.736	87.491.014	8.705.056.190.142

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 TSCĐ hữu hình của Tập đoàn với tổng giá trị còn lại là 8.563.406.542.479 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 8.818.556.870.982 Đồng) đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng và các đối tượng khác (Thuyết minh 18).

10 TSCĐ (tiếp theo)**(a) TSCĐ hữu hình (tiếp theo)**

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, Thanh tra Chính phủ đã ban hành Thông báo số 3116/TB-TTCTP kết luận thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật trong quản lý, thực hiện quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình điện theo Quy hoạch điện VII và Quy hoạch điện VII điều chỉnh kèm theo phụ lục số 01 về thông báo kết luận thanh tra tại Tỉnh Long An. Trong đó, phần đất có diện tích 124,8 ha đã cấp cho Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương (“Hanwha – BCG Băng Dương”) có nguồn gốc đất, rừng sản xuất. Để nghiệm thu Dự án nhà máy điện mặt trời GAIA Tập đoàn phải được phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất sang đất năng lượng. Tập đoàn đã trúng đấu giá cho thuê quyền sử dụng đất theo Quyết định số 182/QĐ-UBND ngày 15 tháng 1 năm 2020. Theo đó, Tập đoàn đã ký Hợp đồng thuê đất và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính và cam kết theo quy định. Việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã được UBND Tỉnh Long An phê duyệt. Tuy nhiên theo Thông báo của Thanh tra Chính phủ thì thẩm quyền phê duyệt chuyển đổi mục đích sử dụng đất này thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ. Để tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Dự án, ngày 26 tháng 10 năm 2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có cuộc họp với UBND Tỉnh Long An và UBND Tỉnh Long An đã rà soát để thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo Luật bảo vệ và phát triển rừng năm 2004. Theo đó, thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất nói trên thuộc UBND Tỉnh Long An (theo Thông báo kết luận cuộc họp số 7731/TB-BNN-VP ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng sản xuất sang đất năng lượng là phù hợp theo các quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng thuê đất với Tỉnh Long An vẫn tiếp tục có hiệu lực.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá ảnh hưởng của vấn đề nêu trên bởi Thông báo của Thanh tra Chính phủ đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn là thấp.

10 TSCĐ (tiếp theo)

(b) TSCĐ thuê tài chính

Phương tiện vận tải
VND**Nguyên giá**

Tại ngày 1.1.2024 và ngày 30.6.2024

1.232.472.730

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1.1.2024

273.882.826

Khấu hao trong kỳ

117.378.354

Tại ngày 30.6.2024

391.261.180

Giá trị còn lại

Tại ngày 1.1.2024

958.589.904

Tại ngày 30.6.2024

841.211.550

TSCĐ thuê tài chính liên quan đến hợp đồng thuê tài chính số 63.22.07/CTTC ngày 25 tháng 10 năm 2022 giữa Tập đoàn và Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng thuê tài chính này chịu lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm bằng VND kỳ hạn 12 tháng hình thức trả lãi sau áp dụng đối với cá nhân, do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm đó cộng biên độ 2,5%/năm. Khi Tập đoàn hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ như quy định tại hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền được mua lại tài sản thuê bằng giá danh nghĩa là 1.500.000 Đồng khi kết thúc thời hạn thuê.

10 TSCĐ (tiếp theo)

(c) TSCĐ vô hình

Giấy phép đầu tư dự án
VND

Nguyên giá

Tại ngày 1.1.2024 và ngày 30.6.2024

420.826.943.652

Khấu hao lũy kế

Tại ngày 1.1.2024

17.002.191.366

Khấu hao trong kỳ

5.095.557.089

Tại ngày 30.6.2024

22.097.748.455

Giá trị còn lại

Tại ngày 1.1.2024

403.824.752.286

Tại ngày 30.6.2024

398.729.195.197

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

30.6.2024
VND31.12.2023
VND

Dự án nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2	818.069.271.976	782.154.991.965
Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 1	107.756.863.205	104.447.584.290
Dự án nhà máy điện gió Đông Thành 2	93.035.908.161	70.910.802.204
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 2	18.756.595.644	18.756.595.644
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 3	18.769.592.919	18.769.592.919
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 4	18.744.152.007	18.744.152.007
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 5	16.428.331.589	16.428.331.589
Dự án điện áp mái Vinamilk Quảng Ngãi 6	15.154.683.293	15.154.683.293
Dự án Nhà máy điện Phú Mỹ giai đoạn 2	16.836.098.885	15.057.093.230
Dự án nhà máy điện gió Sóc Trăng	9.700.921.689	8.710.953.672
Khác	6.615.418.805	4.296.250.681
	<u>1.139.867.838.173</u>	<u>1.073.431.031.494</u>

Biên động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ/ năm như sau:

	Cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2024 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2023 VND
Số dư đầu kỳ/năm	1.073.431.031.494	2.578.497.296.371
Tăng trong kỳ/năm	66.436.806.679	413.067.032.962
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	-	(1.918.133.297.839)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>1.139.867.838.173</u>	<u>1.073.431.031.494</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

11 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG (tiếp theo)

Tổng chi phí lãi vay, trái phiếu đã được vốn hóa trong chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 37.204.021.227 Đồng (kỳ 6 tháng năm 2023: 36.923.556.110 Đồng). Mức lãi suất được sử dụng để xác định số tiền chi phí lãi vay được vốn hóa là từ 8,5%/năm đến 16%/năm (kỳ 6 tháng năm 2023: từ 8,5%/năm đến 15%/năm).

12 LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Sạch VND	Công ty Cổ phần BCG Vinh Long VND	Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	4.040.278.271	4.590.909.091	74.897.373.381	83.528.560.743
và ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Giá trị phân bổ lũy kế				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	1.432.987.739	1.453.030.300	14.979.474.680	17.865.492.719
Phân bổ trong kỳ	202.013.913	229.545.455	3.744.868.669	4.176.428.037
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.635.001.652	1.682.575.755	18.724.343.349	22.041.920.756
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.607.290.532	3.137.878.791	59.917.898.701	65.663.068.024
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	2.405.276.619	2.908.333.336	56.173.030.032	61.486.639.987

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

(a) Ngắn hạn

	30.6.2024		31.12.2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Ông Ngô Đức Thắng	494.900.000.000	494.900.000.000	-	-
Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	423.223.088.490	423.223.088.490	423.223.088.490	423.223.088.490
Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	266.748.259.414	266.748.259.414	264.797.173.119	264.797.173.119
Khác	209.614.461.523	209.614.461.523	126.191.503.298	126.191.503.298
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	356.477.865.344	356.477.865.344	408.897.925.713	408.897.925.713
	<u>1.750.963.674.771</u>	<u>1.750.963.674.771</u>	<u>1.223.109.690.620</u>	<u>1.223.109.690.620</u>

(b) Dài hạn

	30.6.2024		31.12.2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên thứ ba				
Ông Nguyễn Văn Lục (i)	79.627.982.231	79.627.982.231	-	-
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	145.236.163.767	145.236.163.767	250.864.145.998	250.864.145.998
	<u>224.864.145.998</u>	<u>224.864.145.998</u>	<u>250.864.145.998</u>	<u>250.864.145.998</u>

(i) Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024, ông Nguyễn Văn Lục không còn là bên liên quan của Tập đoàn (Thuyết minh 34).

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

13 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)**(c) Số nợ quá hạn thanh toán**

	30.6.2024	31.12.2023
	VND	VND
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Intertek Việt Nam	5.944.641.328	5.944.641.328
Công ty TNHH Thái Hòa	5.750.000.000	7.400.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Một Thành Viên Tổng Công ty Thái Sơn-		
Xí Nghiệp Xây Dựng và Cơ Điện Lạnh	1.133.997.500	1.133.997.500
Công ty TNHH DNV GL Việt Nam	727.530.000	727.530.000
Công ty Bảo Đâm An toàn Hàng Hải Tây Nam Bộ	557.211.441	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	360.787.200	360.787.200
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phúc Anh	311.040.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại SHUAA	60.762.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Sterling Việt Nam	28.652.084	28.652.084
Công ty Cổ phần Magnolia Investment	-	263.000.000
	<u>14.874.621.553</u>	<u>15.858.608.112</u>

Đây là khoản phải trả đã quá hạn liên quan đến việc mua dịch vụ, hàng hóa và mua cổ phần tại Công ty con. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tập đoàn đang đàm phán để gia hạn các khoản nợ này.

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÂN HẠN

Số dư thể hiện khoản đặt cọc của SUS Vietnam Holding Pte. Ltd. theo Hợp đồng ký ngày 2 tháng 2 năm 2024 liên quan đến việc công ty này mua lại cổ phần của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/THU NHÀ NƯỚC

Biến động về thuế và các khoản phải nộp/thu Nhà nước trong kỳ như sau:

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Số phải nộp/phải thu trong kỳ VND	Số đã thực nộp/ được hoàn trong kỳ VND	Cán trừ/Phân loại lại trong kỳ VND	Tại ngày 30.6.2024 VND
(a) Phải trả					
Thuế GTGT phải nộp	3.765.961.394	52.433.941.977	(34.420.120.765)	(14.877.586.262)	6.902.196.344
Thuế TNDN	27.162.757.865	49.403.622.698	(20.019.215.316)	7.000.000	56.554.165.247
Thuế thu nhập cá nhân	540.322.017	2.321.002.856	(2.168.865.787)	-	692.459.086
Khác	4.098.546.306	5.540.282.264	(4.852.356.241)	-	4.786.472.329
	<u>35.567.587.582</u>	<u>109.698.849.795</u>	<u>(61.460.558.109)</u>	<u>(14.870.586.262)</u>	<u>68.935.293.006</u>
(b) Thuế GTGT được khấu trừ					
Thuế GTGT được khấu trừ	46.255.024.400	13.245.243.794	-	(14.877.586.262)	44.622.681.932
(c) Phải thu					
Thuế TNDN nộp thừa	-	-	-	7.000.000	7.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	234.638.644.969	206.566.337.977
Chi phí lãi BCC	30.915.068.494	-
Tạm tăng nguyên giá TSCĐ	-	34.829.238.883
Khác	25.524.997.735	23.786.142.023
	<u>291.078.711.198</u>	<u>265.181.718.883</u>

17 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Chi phí lãi BCC	89.680.569.082	117.944.229.886
Chi phí lãi vay	24.338.587.027	46.155.676.005
Phải trả vốn nhận BCC	-	11.480.000.000
BHXX, BHYT, BHTN	394.942.242	87.924.202
Khác	25.957.612.248	13.641.209.039
	<u>140.371.710.599</u>	<u>189.309.039.132</u>

Trong đó		
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần MGM Hanbit	82.591.917.812	107.553.917.812
Khác	47.673.599.438	34.725.225.430
Bên liên quan (Thuyết minh 34(b))	10.106.193.349	47.029.895.890
	<u>140.371.710.599</u>	<u>189.309.039.132</u>

(b) Dài hạn

Phải trả dài hạn khác bao gồm các khoản phải trả vốn nhận từ các hợp đồng BCC, trong đó:

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Bên thứ ba		
Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	456.000.000.000	456.000.000.000
Công ty Cổ phần MGM Hanbit	400.000.000.000	400.000.000.000
	<u>856.000.000.000</u>	<u>856.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

17 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)**(b) Dài hạn (tiếp theo)**

(*) Chi tiết số dư BCC với các bên thứ ba như sau:

Bên góp BCC	Số tiền	Thời hạn BCC	Mục đích BCC	Hình thức phân chia lợi nhuận của BCC
	VND			
Công ty Cổ phần MGM Hanbit	400.000.000.000	Đến 1/12/2031	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy Điện gió Đồng Thành 1	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 15,5% trên tổng số vốn góp. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	300.000.000.000	Đến 23/6/2031	Hợp tác đầu tư vào dự án Nhà máy Điện gió Đồng Thành 1	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 10,53 % trên tổng số vốn góp. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	156.000.000.000	Đến 23/06/2031	Hợp tác đầu tư vào Dự án Nhà máy Điện gió Đồng Thành 2	Tập đoàn được hưởng khoản lợi tức không ít hơn 10,53 % trên tổng số vốn góp. Việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào ngày kết thúc hợp đồng.
	<u>856.000.000.000</u>			

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn không có khoản phải trả khác nào bị quá hạn thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

(a) Ngắn hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Giải ngân VND	Trả nợ vay VND	Phân loại lại VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 30.6.2024 VND
Vay ngân hàng (i)	50.000.000.000	-	(50.000.000.000)	-	-	-
Vay dài hạn ngân hàng đáo hạn trong vòng một năm (i)	447.639.213.590	-	(191.900.111.295)	195.245.507.295	5.473.587.075	456.458.196.665
Chi phí đi vay	(2.124.799.500)	-	1.062.395.520	(1.062.395.520)	-	(2.124.799.500)
Vay từ bên liên quan (ii)	19.370.000.000	72.789.600.000	(5.201.189.901)	(4.336.000.000)	-	82.622.410.099
Vay từ các đối tượng khác (iii)	848.212.500.000	215.906.205.479	(118.281.205.479)	4.336.000.000	33.139.860.000	983.313.360.000
Nợ thuế tài chính	271.144.000	-	(135.572.000)	135.572.000	-	271.144.000
	<u>1.363.368.058.090</u>	<u>288.695.805.479</u>	<u>(364.455.683.155)</u>	<u>194.318.683.775</u>	<u>38.613.447.075</u>	<u>1.520.540.311.264</u>

(b) Dài hạn

	Tại ngày 1.1.2024 VND	Giải ngân VND	Trả nợ vay VND	Phân loại lại VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Tại ngày 30.6.2024 VND
Vay ngân hàng (i)	4.056.513.076.038	-	-	(195.245.507.295)	70.725.750.575	3.931.993.319.318
Chi phí đi vay	(22.133.239.060)	-	-	1.062.395.520	-	(21.070.843.540)
Phát hành trái phiếu (iv)	500.000.000.000	-	-	-	-	500.000.000.000
Vay từ bên liên quan (ii)	500.000.000.000	-	-	-	-	500.000.000.000
Nợ thuế tài chính	542.288.000	-	-	(135.572.000)	-	406.716.000
	<u>5.034.922.124.978</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(194.318.683.775)</u>	<u>70.725.750.575</u>	<u>4.911.329.191.778</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Số dư tại ngày 30.6.2024 VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12	1.912.261.436.696	Tài trợ chi phí đầu tư Dự án nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ 123 - Giai đoạn 1	Đến 25/05/2031	Lãi suất huy đồng tiết kiệm bảng VND cộng biên độ tối thiểu 4%/năm	Tài sản đảm bảo cho khoản vay là tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và toàn bộ động sản thuộc của công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện; toàn bộ cổ phần và quyền tài sản phát sinh từ các dự án.
DBS Bank Ltd, Singapore	1.859.695.848.150	Tài trợ cho các dự án, hợp đồng hợp tác kinh doanh và kế hoạch kinh doanh. Số dư tại ngày 30.06.2024 bằng USD là 73.006.550 Đô la Mỹ tương đương 1.859.695.848.150 Đồng	Đến 30/6/2035	SOFRA +2.9 (*)	
Ngân hàng TMCP Tiền Phong	574.303.856.191	Tài trợ dự án Nhà máy điện mặt trời Vneco Vĩnh Long	Đến 15/1/2036	9,75 - 10,55	Tài sản hình thành trong tương lai của Nhà máy điện mặt trời tại công ty con; quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện.
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	31.851.851.804	Tài trợ chi phí xây dựng dự án điện mặt trời mái nhà	Đến 26/12/2029	7,3	Hệ thống điện mặt trời mái nhà của công ty con tại Siêu thị Gò Tây, Khu ICD Tân Cảng Long Bình, Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai - tại kho xưởng của Công ty CP Tân Vĩnh Cửu, Long Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Bến Thành	10.338.523.142	Đầu tư dự án điện năng lượng mặt trời	Đến 19/12/2027	13 - 15,5	Toàn bộ hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà hình thành trong tương lai và đã hình thành trên các mái nhà theo các Hợp đồng thuê mái; Quyền tài sản, quyền đòi nợ với Trang trại Bò Sữa Vinamilk Quảng Ngãi; Toàn bộ phần vốn góp của công ty trong Công ty cùng Tập Đoàn; và Bảo lãnh cá nhân của Chủ tịch.
	4.388.451.515.983				
Trong đó :					
Đáo hạn trong vòng một năm	456.458.196.665				
Vay ngắn hạn dài hạn	3.931.993.319.318				

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(i) Chi tiết các khoản vay ngân hàng ngắn hạn và dài hạn như sau (tiếp theo):

(*) Khoản vay với ngân hàng DBS Bank Ltd., Singapore được thế chấp bằng những tài sản chi tiết sau:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần BCG Energy	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bằng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bằng Dương
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bằng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bằng Dương Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bằng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Bằng Dương
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Bằng Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh Toàn bộ bất động sản thuộc Dự án Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG – Bằng Dương	Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng DBS Bank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh Toàn bộ động sản thuộc Dự án Tất cả quyền và lợi ích phát sinh từ Dự án
Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd.	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA
Ông Phạm Minh Tuấn	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA
Bà Hoàng Thị Minh Châu	Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(ii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn và dài hạn với bên liên quan như sau:

Ngắn hạn	Số dư tại ngày 30.6.2024 VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	72.789.600.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 4/6/2025	10	Tín chấp
Công ty TNHH Tulip Solar	9.032.810.099	Xây dựng các Dự án năng lượng điện áp mái	Đến 18/10/2024	8,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần BCG SP GreenSky	800.000.000	Thanh toán chi phí hoạt động	Đến 25/11/2024	8,5	Tín chấp
Dài hạn	82.622.410.099				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	500.000.000.000	Mua sắm, lắp đặt thiết bị, và thi công dự án nhà máy điện gió	Đến 19/11/2026	16	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

18 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn với các đối tượng khác như sau:

Đối tượng khác Ngắn hạn	30.6.2024 VND	Mục đích vay	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp
Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte.Ltd. (1)	687.690.000.000	Bổ sung vốn lưu động. Số dư tại ngày 30.06.2024 bằng USD là 27.000.000 Đô la Mỹ tương đương 687.690.000.000 Đồng	Đến 30/6/2024	9 (**)	
Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd.	120.699.360.000	Bổ sung vốn lưu động. Số dư tại ngày 30.06.2024 bằng USD là 4.740.000 Đô la Mỹ tương đương 120.699.360.000 Đồng	Đến 31/12/2024	10,5	Tín chấp
Bà Trần Thị Kiều Tiên	70.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 31/12/2024	7	Tín chấp
Ông Vũ Ngọc Tiến	63.790.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 31/05/2025	10	Tín chấp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Orchid	16.306.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 5/6/2025	9	Tín chấp
Công ty Cổ phần Mega Solar	15.500.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 30/9/2024	12,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Plus Investment	3.677.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 31/11/2025	12,05	Tín chấp
Công ty Cổ phần E Power 1	3.070.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Đến 31/12/2024	0	Tín chấp
Ông Phạm Quang Khải	1.540.000.000	Tài trợ hoạt động kinh doanh và tài trợ chi phí phát triển dự án năng lượng mặt trời	Đến 24/4/2025	0	Tín chấp
Ông Phạm Quang Khải	1.041.000.000	Tài trợ hoạt động kinh doanh và tài trợ chi phí phát triển dự án năng lượng mặt trời	Đến 27/3/2025	0	Tín chấp
	983.313.360.000				

18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn với các đối tượng khác như sau (tiếp theo):

(1) Theo Chứng nhận chuyển nhượng ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa Công ty, DBS Bank Ltd., Singapore và Clifford Capital Pte. Ltd., một phần số dư của khoản vay với số tiền 34.510.100 Đô la Mỹ sẽ được chuyển giao từ DBS Bank Ltd., Singapore và Clifford Capital Pte. Ltd., có hiệu lực từ 15 tháng 9 năm 2023. Chi tiết số dư của khoản vay đối với các đối tượng như sau:

	30.6.2024 VND	30.6.2024 USD
DBS Bank Ltd., Singapore	1.019.833.207.050	40.035.850
Clifford Capital Pte. Ltd.	839.862.641.100	32.970.700
	<u>1.859.695.848.150</u>	<u>73.006.550</u>

(**) Khoản vay với Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd. được thế chấp bằng tài sản của các bên bảo lãnh chi tiết như sau:

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 Tất cả tài khoản ngân hàng của Công ty bao gồm các tài khoản tại Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Công ty Cổ phần BCG Energy	Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 Vốn góp vào Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 Vốn góp vào Công ty Cổ phần BCG GAIA Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương Vốn góp vào Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 1 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Đông Thành 2 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió khu du lịch Khai Long - Cà mau giai đoạn 1 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Khai Long giai đoạn 2 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á

18 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(iii) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn với các đối tượng khác như sau (tiếp theo):

(**) Khoản vay với Sembcorp Energy Vietnam Project I Pte. Ltd. được thế chấp bằng tài sản của các bên bảo lãnh chi tiết như sau (tiếp theo):

Bên bảo lãnh	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió Khai Long giai đoạn 3 Tất cả các tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Nam Á
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Tất cả tài sản và giấy tờ pháp lý thuộc Dự án Nhà máy Điện gió BCG Sóc Trăng 1 Các tài khoản ngân hàng của Công ty tại Ngân hàng TMCP Nam Á và Ngân hàng TMCP Phương Đông
Ông Nguyễn Hồ Nam	5 triệu cổ phiếu trong Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital
Ông Phạm Minh Tuấn	2,369 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital 22.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần BCG GAIA
Bà Hoàng Thị Minh Châu	2.500 cổ phiếu Công ty Cổ phần BCG GAIA

(iv) Chi tiết về trái phiếu phát hành dài hạn như sau:

	30.6.2024			31.12.2023		
	Giá trị VND	Lãi suất %	Kỳ hạn	Giá trị VND	Lãi suất %	Kỳ hạn
Loại phát hành theo mệnh giá (*)	500.000.000.000	13	5 năm	500.000.000.000	13	5 năm

(*) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là TNECH.2227001, phát hành từ ngày 9 tháng 12 năm 2022 có mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng các tài sản chi tiết như sau:

- Toàn bộ phần góp vốn thuộc chủ sở hữu của các bên góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên;
- Toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ và liên quan đến Dự án điện mặt trời Krông Pa 2 (bao gồm nhưng không giới hạn quyền kinh doanh, khai thác, phát triển Dự án điện mặt trời Krông Pa 2, nguồn thu từ Dự án điện mặt trời Krông Pa 2 và các quyền tài sản khác phát sinh từ Dự án điện mặt trời Krông Pa 2;
- Toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án điện mặt trời Krông Pa 2 (sau khi đủ điều kiện thế chấp theo quy định cả pháp luật);
- 19.284.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital thuộc sở hữu của các cá nhân/tổ chức khác;
- Các tài sản và biện pháp bảo đảm khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của tổ chức phát hành và/ hoặc bên thứ ba theo thỏa thuận giữa các bên liên quan được bổ sung, thay thế tại từng thời điểm nhằm bảo đảm cho các nghĩa vụ được bảo đảm của trái phiếu.

Mục đích phát hành là tăng quy mô vốn hoạt động của Tập đoàn.

19 THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và cùng một đơn vị chịu thuế. Chi tiết như sau:

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	<u>8.999.215.773</u>	<u>8.558.450.265</u>

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả:		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả sau 12 tháng	<u>79.041.216.815</u>	<u>79.360.028.944</u>

Biến động gộp về thuế TNDN hoãn lại, không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế, trong kỳ kế toán/năm tài chính như sau:

Tài sản thuế TNDN hoãn lại:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2024 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2023 VND
Số dư đầu kỳ/năm	8.558.450.265	7.489.276.050
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 30)	440.765.508	335.481.850
Ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu	-	733.692.365
Số dư cuối kỳ/năm	<u>8.999.215.773</u>	<u>8.558.450.265</u>

19 THUẾ TNDN HOÃN LẠI (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại phải trả:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30.6.2024 VND	Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2023 VND
Số dư đầu kỳ/năm	79.360.028.944	75.412.559.531
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh 30)	(318.812.129)	(284.924.745)
Ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu	-	(29.391.626)
Mua công ty con	-	4.261.785.784
Số dư cuối kỳ/năm	<u>79.041.216.815</u>	<u>79.360.028.944</u>

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 20% (năm 2023: 20%).

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

(a) Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Chênh lệch lợi nhuận chưa thực hiện	<u>8.999.215.773</u>	<u>8.558.450.265</u>

(b) Chi tiết thuế TNDN hoãn lại phải trả

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý khi mua công ty con	<u>79.041.216.815</u>	<u>79.360.028.944</u>

19 THUẾ TNDN HOẢN LẠI (tiếp theo)

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tập đoàn như sau:

Năm/kỳ phát sinh lỗ	Tình trạng kiểm tra của các cơ quan thuế	Số lỗ tính thuế		Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau VND
		Số lỗ phát sinh VND	đã được sử dụng VND	
2020	Chưa quyết toán	599.449.812	(9.879.968)	594.217.272
2021	Chưa quyết toán	590.170.065	-	1.184.387.337
2022	Chưa quyết toán	94.167.767.597	(69.550.912.135)	25.801.242.799
2023	Chưa quyết toán	175.813.854.933	(21.358.831.057)	180.256.266.675
30.6.2024	Chưa quyết toán	108.391.754.445	(7.402.418.924)	281.245.602.196

Tập đoàn không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì khả năng Tập đoàn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá là không chắc chắn.

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**(a) Số lượng cổ phiếu**

	Tại ngày 30.6.2024		Tại ngày 31.12.2023	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký	730.000.000	-	730.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	730.000.000	-	730.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	730.000.000	-	730.000.000	-

20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30.6.2024		31.12.2023	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital (*)	348.300.000	47,71	369.800.000	50,66
Công ty TNHH Một Thành Viên NHN	11.500.000	1,58	11.500.000	1,58
Công ty Cổ phần Chứng khoán SBS	6.000.000	0,82	6.000.000	0,82
Cổ đông khác	364.200.000	49,89	342.700.000	46,94
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>730.000.000</u>	<u>100</u>	<u>730.000.000</u>	<u>100</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital phê duyệt thực hiện thoái một phần vốn tại Công ty Cổ phần BCG Energy, theo đó giảm tỷ lệ nắm giữ xuống còn 47,71% tương đương với 348.300.000 cổ phần. Ngoài ra, Bà Huỳnh Thị Kim Tuyến và ông Nguyễn Hồ Nam đã ủy quyền biểu quyết cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital với tỷ lệ quyền biểu quyết lần lượt là 2,87% và 0,82%. Theo đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital đang nắm giữ 51,4% quyền biểu quyết tại Công ty Cổ phần BCG Energy.

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Số cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	450.000.000	4.500.000.000.000	4.500.000.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	280.000.000	2.800.000.000.000	2.800.000.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>730.000.000</u>	<u>7.300.000.000.000</u>	<u>7.300.000.000.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 Đồng trên một cổ phiếu. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

Mẫu số B 09a – DN/HN

21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	4.500.000.000.000	248.194.181.618	2.428.884.263.133	7.177.078.444.751
Phát hành cổ phiếu	2.800.000.000.000	-	-	2.800.000.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	(35.911.486.594)	(116.808.939.470)	(152.720.426.064)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	(25.633.293.860)	(60.622.727.404)	(86.256.021.264)
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	7.300.000.000.000	186.649.401.164	2.249.452.596.259	9.736.101.997.423
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	255.661.854.850	35.007.421.287	290.669.276.137
Chia cổ tức ưu đãi	-	-	(6.782.875.002)	(6.782.875.002)
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	736.642.847	736.642.847
Khác	-	22.061.735	-	22.061.735
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	7.300.000.000.000	442.333.317.749	2.278.413.785.391	10.020.747.103.140

22 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tập đoàn mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2024	30.6.2023
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	255.661.854.850	57.737.550.232
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	730.000.000	450.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	350	128

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

23 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**(a) Ngoại tệ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 111.026,14 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 110.690,38 Đô la Mỹ).

(b) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang được trình bày tại Thuyết minh 35.

24 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2024	30.6.2023
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần về bán điện	672.234.748.729	541.237.129.846
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	17.562.920.000	25.781.378.611
	<u>689.797.668.729</u>	<u>567.018.508.457</u>

25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2024 VND	30.6.2023 VND
Giá vốn của điện đã bán	310.967.397.973	252.800.846.997
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.530.399.463	17.152.882.489
	<u>323.497.797.436</u>	<u>269.953.729.486</u>

26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2024 VND	30.6.2023 VND
Lãi phải thu theo BCC	427.755.551.893	423.448.201.889
Lãi tiền gửi, cho vay	5.596.238.939	46.394.888.515
Cổ tức nhận được	-	6.860.000.000
Doanh thu tài chính khác	3.468	755.998.785
	<u>433.351.794.300</u>	<u>477.459.089.189</u>

27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2024 VND	30.6.2023 VND
Chi phí lãi vay và trái phiếu	291.013.850.405	526.065.351.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	115.614.873.159	23.685.130.888
Chi phí phải trả theo BCC	54.857.692.056	156.051.525.582
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	16.868.969.385	590.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	3.528.989.731	1.123.255.405
Chi phí tư vấn phát hành trái phiếu, khoản vay	1.062.395.520	833.333.334
Chi phí tài chính khác	9.549.270.315	28.051.612.905
	<u>492.496.040.571</u>	<u>736.400.209.556</u>

28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2024 VND	30.6.2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.314.044.799	11.148.662.250
Chi phí nhân viên	8.489.063.498	8.878.541.089
Lợi thế thương mại phân bổ	4.176.428.037	4.176.428.038
Chi phí khấu hao TSCĐ	447.074.971	565.676.111
Chi phí khác	10.558.146.008	6.063.883.417
	<u>31.984.757.313</u>	<u>30.833.190.905</u>

29 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2024 VND	30.6.2023 VND
Thu nhập khác		
Nhận bồi thường do thi công chậm tiến độ	47.266.557.534	22.563.013.699
Lãi vay được hoàn	38.997.389.664	-
Khác	1.189.960.029	9.542.192.415
	<u>87.453.907.227</u>	<u>32.105.206.114</u>
Chi phí khác		
Các khoản bị phạt	(4.555.433.091)	(1.306.762.730)
Lỗ do thanh lý tài sản	(172.563.204)	(1.350.939.824)
Khác	(2.093.814.650)	-
	<u>(6.821.810.945)</u>	<u>(2.657.702.554)</u>
Lợi nhuận khác	<u>80.632.096.282</u>	<u>29.447.503.560</u>

30 THUẾ TNDN

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế. Riêng đối với các dự án đầu tư điện mặt trời sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư theo từng dự án và các quy định về ưu đãi thuế TNDN theo Điều 23, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ("Thông tư 78") – Hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật TNDN, cụ thể như sau:

Tại Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng Sạch:

Đối với Nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ - giai đoạn 1 và 2: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời GAIA: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2025 đến năm 2033).

Tại Công ty Cổ phần Năng lượng BCG - Băng Dương:

Đối với Nhà máy điện mặt trời BCG - Băng Dương: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2019 đến năm 2022) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2023 đến năm 2031).

Tại Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long:

Đối với Nhà máy điện mặt trời VNECO Vĩnh Long: Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm, được miễn 4 năm tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo đối với phần thu nhập tăng thêm do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2025 đến năm 2033).

30 THUẾ TNDN (tiếp theo)

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2024	30.6.2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	339.313.321.197	13.900.734.925
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	-	(6.860.000.000)
Chi phí không được khấu trừ	56.406.308.656	90.725.056.489
Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại	108.230.760.740	53.868.088.984
Lỗi tính thuế đã được sử dụng	(69.443.397.465)	(97.280.159.328)
Thu nhập chịu thuế ước tính	<u>434.506.993.128</u>	<u>54.353.721.070</u>
Thuế tính ở thuế suất 20%	47.863.117.362	5.158.602.514
Thuế tính ở thuế suất 10%	19.519.140.632	2.856.070.850
Thuế được miễn hoặc giảm	(18.738.212.934)	(2.602.774.501)
Chi phí thuế TNDN (*)	<u>48.644.045.060</u>	<u>5.411.898.863</u>
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ		
Thuế TNDN - hiện hành	49.403.622.698	6.032.305.457
Thuế TNDN - hoãn lại	(759.577.638)	(620.406.594)
Chi phí thuế TNDN	<u>48.644.045.060</u>	<u>5.411.898.863</u>

(*) Chi phí thuế TNDN cho kỳ kế toán được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

31 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong kỳ kế toán từ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Chi tiết được trình bày như sau:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2024	30.6.2023
	VND	VND
Chi phí khấu hao TSCĐ, lợi thế thương mại phân bổ	271.181.839.817	227.777.974.947
Chi phí nhân viên	19.084.865.774	16.861.229.569
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.290.134.093	43.548.005.619
Chi phí khác	21.932.267.401	12.465.066.740
	<u>355.489.107.085</u>	<u>300.652.276.875</u>

32 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tập đoàn thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh bán điện chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Tập đoàn không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động mua bán điện là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng không trọng yếu trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

33 THUYẾT MINH CHO KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (“BCLCTT”)

	30.06.2024	30.06.2023
	VND	VND
Cần trừ công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng với vay (*)	<u>5.201.189.901</u>	<u>-</u>

(*) Đây là khoản cần trừ công nợ phải thu khách hàng ngắn hạn của Công ty Cổ phần Skylar với thanh toán gốc vay của Công ty TNHH Tulip Solar.

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tập đoàn được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital - công ty mẹ, một công ty được thành lập tại Việt Nam do nắm giữ 51,4% quyền biểu quyết của Tập đoàn.

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	Ban điều hành, quản lý Công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	Công ty liên kết
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	Cùng công ty mẹ
Công ty Taxi Việt Nam	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG Land	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	Cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Cùng Người đại diện theo pháp luật
Công ty TNHH Tulip Solar	Công ty con của công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mega Solar	Cùng Người đại diện theo pháp luật (*)
Công ty Cổ phần E Power 1	Cùng Người đại diện theo pháp luật (*)
Ông Nguyễn Văn Lục	Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty con (*)
Ông Vũ Ngọc Tiến	Cổ đông (*)

(*) Từ ngày 30 tháng 6 năm 2024, các đối tượng này không còn là bên liên quan của Tập đoàn.

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong kỳ, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2024	30.6.2023
	VND	VND
i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	8.537.352.000	-
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	4.082.468.000	4.266.853.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	2.393.100.000	2.445.220.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	1.275.000.000	1.275.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	1.275.000.000	1.275.000.000
	<u>17.562.920.000</u>	<u>9.262.073.000</u>
ii) Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	17.695.143.000	17.112.967.998
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	7.179.011.664	12.906.219.814
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	6.060.000.000	6.055.044.000
Công ty TNHH Tulip Solar	992.036.722	-
Công ty Cổ phần BCG Land	150.000.000	150.000.000
Công ty Taxi Việt Nam	68.615.370	19.167.000
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	39.320.370	162.165.910
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải Ông Vũ Ngọc Tiến	-	180.645.753.972
	-	6.426.371
	<u>32.184.127.126</u>	<u>217.057.745.065</u>
iii) Lãi BCC phải thu		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	167.389.499.617	235.547.945.200
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	74.687.030.356	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	8.982.642.411	-
Công ty Cổ phần BCG Land	181.150.685	546.471.233
	<u>251.240.323.069</u>	<u>236.094.416.433</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2024 VND	30.6.2023 VND
iv) Vay		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	72.789.600.000	-
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	-	800.000.000
Ông Phạm Minh Tuấn	-	10.522.347.604
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	-	450.000.000
	<u>72.789.600.000</u>	<u>11.772.347.604</u>
v) Trả gốc vay		
Công ty TNHH Tulip Solar	5.201.189.901	-
Ông Phạm Minh Tuấn	-	10.522.347.604
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	-	450.000.000
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	42.000.000.000
	<u>5.201.189.901</u>	<u>52.972.347.604</u>
vi) Lãi dĩ vay		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	40.380.115.946	33.969.863.014
Công ty TNHH Tulip Solar	419.179.745	-
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	33.906.848	4.657.534
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	2.816.815.068
	<u>40.833.202.539</u>	<u>36.791.335.616</u>
vii) Cổ tức được chia		
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	-	6.860.000.000

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2024 VND	30.6.2023 VND
viii) Cho vay		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	80.675.000.000	2.710.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	3.787.128.000	-
Công ty TNHH Skylight Power	541.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	365.000.000	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	43.000.000	820.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	-	1.040.000.000
	<u>85.411.128.000</u>	<u>4.570.000.000</u>
ix) Thu hồi cho vay		
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	<u>3.787.128.000</u>	<u>-</u>
x) Lãi cho vay		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	877.408.563	81.106.028
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	112.775.178	10.361.097
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	49.492.057	-
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	38.494.108	31.586.301
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	37.101.945	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	26.926.026	-
Công ty TNHH Skylight Power	23.529.774	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	1.562.054
	<u>1.165.727.651</u>	<u>124.615.480</u>
xi) Chuyển tiền BCC cho		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	<u>53.132.000.000</u>	<u>-</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ 6 tháng kết thúc ngày	
	30.6.2024 VND	30.6.2023 VND
xii) Nhận lại tiền BCC từ		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	16.545.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG Land	10.000.000.000	-
	<u>26.545.000.000</u>	<u>-</u>
xiii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt	2.094.387.620	1.932.933.333
Trong đó:		
Ông Phạm Minh Tuấn	534.300.000	473.800.000
Bà Phạm Nguyễn Ngọc Thương	525.832.381	557.400.000
Ông Nguyễn Giang Nam	303.363.810	-
Ông Hoàng Trung Thành	286.191.429	-
Bà Vũ Vân Ngọc Nicki	220.900.000	232.000.000
Ông Đồng Hải Hà	181.800.000	188.333.333
Ông Nguyễn Viết Cương	42.000.000	49.000.000
Ông Phạm Đăng Khoa	-	292.400.000
Bà Hoàng Thị Minh Châu	-	140.000.000
	<u>2.094.387.620</u>	<u>1.932.933.333</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh 4)		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	7.916.574.000	5.686.526.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	4.386.000.000	3.009.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	4.086.000.000	2.709.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Tâm Sinh Nghĩa	2.173.770.000	-
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	655.575.000	766.923.000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	-	402.198.480
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	-	529.200.000
	<u>19.217.919.000</u>	<u>13.102.847.480</u>
ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 5)		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	19.047.269.255	53.734.324.321
	<u>19.047.269.255</u>	<u>53.734.324.321</u>
iii) Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 6(a))		
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	972.000.000	607.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	600.000.000	600.000.000
Công ty TNHH Skylight Power	541.000.000	-
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	1.035.000.000
Công ty Cổ phần E Power 1	-	107.403.483.975
	<u>2.113.000.000</u>	<u>109.645.483.975</u>
iv) Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh 6(b))		
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	88.035.022.927	7.360.022.927
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	2.513.000.000	2.513.000.000
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	868.000.000	825.000.000
	<u>91.416.022.927</u>	<u>10.698.022.927</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

30.6.2024 **31.12.2023**
VND **VND**

v) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 9(a))

Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1	2.486.275.615.417	2.380.468.707.237
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	1.078.452.350.383	1.094.970.218.082
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	137.966.965.886	128.945.829.367
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	959.440.985	2.012.419.386
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	222.161.922	109.386.744
Công ty Cổ phần Phát triển Nguyễn Hoàng	38.021.916	11.095.890
Công ty TNHH Skylight Power	23.529.774	-
Công ty Cổ phần BCG Land	-	2.204.000.002
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	806.375.746.967
Công ty Cổ phần E Power 1	-	7.520.837.090
	<u>3.703.938.086.283</u>	<u>4.422.618.240.765</u>

vi) Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh 9(b))

Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	36.587.000.000	-
Công ty Cổ phần BCG Land	-	10.000.000.000
	<u>36.587.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

vii) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 13(a))

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	322.551.978.689	333.331.978.689
Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M	25.991.801.326	14.074.175.632
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	7.243.867.374	5.888.067.374
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm AAA	539.452.055	463.424.658
Công ty Cổ phần BCG Land	81.000.000	54.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	51.927.000	-
Công ty Taxi Việt Nam	17.838.900	631.000
Ông Nguyễn Mạnh Chiến	-	3.043.267.000
Ông Nguyễn Văn Lục	-	52.000.000.000
Ông Vũ Ngọc Tiến	-	42.381.360
	<u>356.477.865.344</u>	<u>408.897.925.713</u>

34 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

	30.6.2024 VND	31.12.2023 VND
viii) Phải trả người bán dài hạn (Thuyết minh 13(b))		
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải Ông Nguyễn Văn Lục	145.236.163.767	145.236.163.767 - 105.627.982.231
	<u>145.236.163.767</u>	<u>250.864.145.998</u>
ix) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 17(a))		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital	5.475.000.000	31.406.917.811
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	3.512.829.664	-
Công ty TNHH Tulip Solar	1.079.426.701	-
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	38.936.984	260.443.833
Công ty Cổ phần Mega Solar	-	15.362.534.246
	<u>10.106.193.349</u>	<u>47.029.895.890</u>

35 CÁC CAM KẾT**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Tập đoàn phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	30.6.2024	31.12.2023
	VND	VND
Dưới 1 năm	15.199.507.688	5.038.941.339
Từ 1 đến 5 năm	14.407.487.179	11.787.808.898
Trên 5 năm	99.460.619.795	57.516.911.862
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	<u>129.067.614.662</u>	<u>74.343.662.099</u>

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc kỳ kế toán/năm tài chính nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ như sau:

	30.6.2024	31.12.2023
	VND	VND
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	<u>4.507.131.499.430</u>	<u>4.383.803.977.892</u>

36 NỢ TIỀM TÀNG

- Tập đoàn đang có một số hợp đồng thuê đất trực tiếp từ Nhà nước để phục vụ cho các dự án điện mặt trời và điện gió của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê đất này, việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi kết thúc hợp đồng thuê được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mặt bằng liên quan đến các dự án điện mặt trời và điện gió là chưa chắc chắn.
- Theo Điều 77 và 78 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật bảo vệ môi trường ("Nghị định") do Chính phủ ban hành ngày 10 tháng 1 năm 2022, Tập đoàn có trách nhiệm tái chế tấm quang năng sử dụng trong các dự án điện mặt trời khi hết thời hạn sử dụng. Theo hướng dẫn của Nghị định, việc tái chế có thể theo các hình thức là tự thực hiện tái chế, thuê đơn vị tái chế để thực hiện tái chế, ủy quyền cho tổ chức trung gian, hoặc có thể kết hợp các hình thức này. Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn vẫn chưa xác định được phương thức tái chế cũng như tính toán chi phí cho việc tái chế do Nghị định chưa có hướng dẫn cụ thể.

36 NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

- Tập đoàn đang có các hợp đồng thuê mái nhà để phục vụ cho các dự án điện mặt trời áp mái của Tập đoàn. Căn cứ theo các điều khoản trong hợp đồng thuê mái nhà này, sau khi kết thúc hợp đồng thuê, Tập đoàn sẽ có nghĩa vụ thu hồi hệ thống điện mặt trời áp mái, khôi phục lại và hoàn trả lại mặt bằng khu vực lắp đặt về tình trạng như nêu tại biên bản bàn giao mặt bằng ban đầu nếu như bên cho thuê mái không mua lại hệ thống này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đánh giá rằng nghĩa vụ khôi phục và giải phóng mái nhà liên quan đến các dự án điện mặt trời áp mái là chưa chắc chắn

37 SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 28/2024/NQ-HĐQT-BCGE ngày 10 tháng 7 năm 2024, Tập đoàn đã ký kết Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp với Công ty TNHH Hanwha Energy Corporation Việt Nam để Tập đoàn mua thêm 51% cổ phần, tương đương với 2.295.000.000 Đồng tại Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M - công ty con của Công ty TNHH Hanwha Energy Corporation Việt Nam. Theo đó, Công ty TNHH Hanwha BCGE O&M sẽ trở thành công ty con trực tiếp của Tập đoàn.


Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 29 tháng 8 năm 2024.



Nguyễn Thị Thùy Dung
Người lập



Lưu Khánh Trường
Kế toán trưởng



Phạm Nguyễn Ngọc Thương
Chữ ký được ủy quyền